

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/ 2023/HC-PT
Ngày: 14 /02/ 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 241/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC- ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 595/2023/QĐPT-HC ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Bùi Quốc C, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Văn S - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk

Lắc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Anh T - Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: ông Hồ S D, người đại diện theo ủy quyền của ông ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Bùi Quốc C, bà Phạm Thị Hồng L, người đại diện theo ủy quyền ông Hồ S D trình bày có nội dung như sau:

Ông Bùi Quốc C, bà Phạm Thị Hồng L là người bị thu hồi đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ theo Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Quốc C để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B (đợt 6); Quyết định 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 6) và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên, các quyết định về thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ của cơ quan Nhà nước khi thu hồi đất không thỏa đáng, có sai sót, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông C, bà L, cụ thể như sau:

- Về xác định và bồi thường sai loại đất: Thửa đất số 124, trong quyết định thu hồi đất và bồi thường 931,3m² trong khi diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được công nhận là 1080,0m². Thửa đất số 126 chỉ công nhận bồi thường 590,6m² trong khi diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã được công nhận là 620m². Trong quyết định còn thu hồi thửa đất số 120 với diện tích 865,8m² trong khi diện tích đo đạc thực tế là 943,6m², thửa đất và diện tích đất này không thấy nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào của ông C.

Ngoài ra ông C, bà L còn bị thu hồi thửa đất số 123 và 125 với tổng diện tích là 1.130m² (trong cùng khu đất với 2 thửa 124 và 126). Như vậy quyết định thu hồi đất và bảng tính bồi thường đã bị nhầm lẫn, sai sót.

Trong các quyết định bồi thường đã xác định bồi thường không đúng loại đất cho ông C, bà L. Các thửa đất này do bố mẹ là ông Bùi Văn B và Nguyễn Thị S khai hoang từ năm 1975, sau đó tặng cho lại cho ông C. Năm 1975 khi làm sổ thì tách làm 04 thửa. Theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai, Điều 24 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Điều 5 và Điều 7 Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 ban hành quy định hạn mức một số loại đất, kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì phần diện tích đất thửa 120 (hiện không rõ ở sổ nào) phải xác định có 400m² đất ở. Nhưng hiện nay quyết định thu hồi chỉ công nhận đất trồng cây hàng năm là chưa chính xác. Do đó, thửa đất số 120 trong quyết định thu hồi và bồi thường phải có bồi thường về đất ở cho ông C, bà L.

Ngoài ra, trong Bảng tính bồi thường đối với thửa 124 và 126 xác định không có đường đi (từ đó tính đơn giá thấp) là chưa đầy đủ. Vì cả 03 thửa trong quyết định bồi thường này đều trong một khu đất do ông C, bà L là chủ sử dụng, chứ không phải của chủ khác. Do đó, hai thửa này phải được xác định là có đường đi.

- Về căn cứ và phương pháp tính giá đất bồi thường:

Giá đất bồi thường khi thu hồi đất cho ông C, bà L trong dự án này là quá thấp, không chính xác, có sự sai sót trong các căn cứ, phương án bồi thường. Bồi lẽ, căn cứ để UBND thành phố B ra Quyết định số 7996/QĐ-UBND và Quyết định số 7998/QĐ-UBND là dựa trên Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, trong khi quyết định này có sai sót, vì theo Điều 18 Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và khoản 1 Điều 4 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, thì các cơ quan có thẩm quyền phải khảo sát giá đất trên thị trường, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương và bảng giá đất tại thời điểm thu hồi để làm căn cứ tính hệ số điều chỉnh giá. Tuy nhiên, Quyết định số 1600/QĐ-UBND không áp dụng quy định nêu trên mà lại so sánh giữa giá đất Nhà nước giai đoạn năm 2014 - 2016 theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk (Quyết định này đã hết hiệu lực) với giá đất giai đoạn 2020 - 2024 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bảng giá và quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024. Như vậy,

căn cứ và phương pháp xác định giá đất tại Quyết định 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 là sai so với quy định của pháp luật, từ đó dẫn đến các Quyết định số 7996 và 7998 và Bảng tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông C, bà L không chính xác. Đơn giá bồi thường đất ở của hộ ông C bà L là 1.368.000 đồng/m². Như vậy, giá đất bồi thường cho ông C, bà L là quá thấp so với giá trị thật và giá thị trường của khu vực.

Mặt khác, trong dự án xây dựng đường Đ, các cơ quan có thẩm quyền đã dùng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để tính giá đất cụ thể. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện áp dụng phương pháp điều chỉnh giá đất để tính giá đất. Trong khi đó, trong dự án đường Đ thu hồi nhiều thửa đất có nhiều mục đích khác nhau (đất ở, đất vườn, đất trồng cây hàng năm khác...). Vị trí và khả năng sinh lợi, thu nhập của các thửa đất, nhà ở là khác nhau nên khó có thể sử dụng phương pháp điều chỉnh giá đất để tính giá đất cụ thể.

- Về bồi thường tài sản trên đất: Việc kê khai đo đạc thực hiện từ năm 2015 nhưng lại sử dụng cho việc thu hồi và bồi thường năm 2022 là không đúng. Việc định giá và tính khấu hao nhà ở, công trình xây dựng, cây cối trên đất không có tiêu chí định giá, mang tính chủ quan, giá mỗi loại tài sản quá thấp so với giá trị thực hiện nay của tài sản. Giá trị toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng, cây cối của gia đình ông C, bà L được định giá chỉ khoảng 410.000.000 đồng là quá thấp so với giá trị thật. Vì nhà ở, công trình xây dựng trên đất theo Điều 13 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường 100% giá trị xây mới và việc xác định giá này phải có Hội đồng thẩm định theo quy định. Nhưng trong các quyết định hiện nay không nêu cơ sở và biên bản xác định giá. Bảng tính bồi thường xác định công trình kiến trúc xây dựng trên đất ở không phục vụ sinh hoạt, nên không bồi thường là hoàn toàn không đúng.

- Về các khoản hỗ trợ khác: Trong Quyết định số 7996 và 7998 không nêu về giao đất tái định cư cho gia đình ông C, bà L là không đúng. Khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất chỉ hỗ trợ một nhân khẩu trong khi hộ ông C, bà L có 6 nhân khẩu là chưa chính xác.

Do quá trình thu hồi đất và ra quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông C, bà L có sai sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà L. Vì vậy, ông C, bà L yêu cầu Tòa án xem xét hủy các Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H), Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành các quyết định mới theo hướng sử dụng căn cứ, phương pháp điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực

hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B đúng và phù hợp, nâng hệ số để phù hợp với giá trị thật, giá thị trường của đất và tài sản bị thu hồi.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là ông Y và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trần Văn S, ông Nguyễn Anh T trình bày:*

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021: Là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 87/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, với thành phần hồ sơ để ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND gồm có:

- Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Báo cáo thuyết minh số 131/BC-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc xác định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Phương án giá đất số 45/PAGĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B.

- Công văn số 1297/STNMT-QLĐĐ ngày 24/5/2021 của Sở tài nguyên và môi trường về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo đề nghị của UBND thành phố B.

- Báo cáo thẩm định số 1641/HĐTĐGD ngày 14/6/2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc thẩm định phương án giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đ, xã H, thành phố B.

- Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 21/6/2021 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (xã H).

Việc ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 là đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Giá đất áp dụng để tính tiền bồi thường về đất được phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-UBND được căn cứ theo kết quả điều tra, khảo sát giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường do các phòng ban chuyên môn của UBND thành phố B phối hợp với UBND xã H thực hiện vào thời điểm tháng 3 năm 2021.

Hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk được tính trên giá đất theo quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh phù hợp với kết quả điều tra khảo sát giá đất thị trường.

Từ các căn cứ nêu trên, việc khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 là không có cơ sở. Do đó, đề nghị bác đơn khởi kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện ông Bùi Quốc C, bà Phạm Thị Hồng L và người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là: Ông Phạm Văn T trình bày:*

Đối với đơn khởi kiện của ông Bùi Quốc C, bà Phạm Thị Hồng L khởi kiện hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 7998/QĐ-UBND và Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B

Về đơn giá bồi thường:

- Về đất: Các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đủ điều kiện cấp giấy và các hộ đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đủ điều kiện được bồi thường về đất theo khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Quyết định số 22/2020/UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Về vật kiến trúc: đối với nhà và vật kiến trúc không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Về cây trồng: Đối với các loại cây trồng trước thông báo thu hồi đất, trồng đúng mật độ trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. Cây trồng xen tính bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng chủng loại và vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ 60% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ 30% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 100% không được bồi thường và theo thời điểm sử dụng đất (Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và căn cứ mục 5 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

Về chính sách hỗ trợ: Căn cứ Điều 17, Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và Điều 3, 4 Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng với Điều 82 Luật Đất đai số 45/QH13 ngày 29/11/2013 khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) và đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với thửa đất số 120 của hộ ông Bùi Quốc C, vì chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn đối với các yêu cầu khởi kiện khác vẫn giữ nguyên.

Với những nội dung nêu trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC- ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Áp dụng: Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69; khoản 1 Điều 79, khoản 2 Điều 89, Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết quy định chi tiết thi hành luật đất đai; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

- Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L yêu cầu hủy Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Quốc C để thực hiện dự án Đường Đ, xã H, thành phố B (đợt 6).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L yêu cầu hủy Quyết định số 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 6).

3. Đình chỉ xét xử đối với Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk do người khởi kiện rút yêu cầu.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hồ S D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm vì cho rằng các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố B đang bị kiện đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan, không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B là không đúng hiện trạng, chưa có diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận mà gia đình đã đào mương thoát nước, từ khi cấp Giấy chứng nhận đến nay gia đình sử dụng ổn định, chưa đo đạc cấp giấy lại lần nào; tuy các thửa đất có số thửa khác nhau nhưng nằm cùng vị trí, tiếp giáp với nhau, cùng một người sử dụng và Nhà nước thu hồi toàn bộ trong một quyết định, nhưng xác định đất không có đường vào là không đúng, do vậy bồi thường giá quá thấp so với những người xung quanh bị thu hồi đất trong cùng một Dự án; gia đình là hộ sản xuất nông nghiệp, bị thu hồi gần hết đất nông nghiệp, có 06 nhân khẩu bị ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, nhưng tại Quyết định số 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ hỗ trợ cho một người là không đúng pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông C, bà L, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo và trình bày của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tại Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thời hiệu, đối tượng khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2]. Đơn kháng cáo của ông Hồ S D, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L là đúng quy định và trong thời hạn kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Đối với việc ông C, bà L khởi kiện Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/07/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ thành phố B (địa bàn xã H), tại giai đoạn sơ thẩm, ông C, bà L đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với quyết định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với phần đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Riêng đối với thửa đất số 120, tuy tại phiên tòa sơ thẩm ông C không yêu cầu xem xét vì cho rằng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng qua xem xét hồ sơ vụ án thấy rằng, số thửa 120 là do Hồ sơ kỹ thuật xác định, còn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 02 thửa đất số 123 và 125, được cấp trong cùng 01 Giấy chứng nhận, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa quyết định gì đối với nội dung nêu trên, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xem xét yêu cầu của ông C đối với thửa đất số 120 (tức thửa số 123 và 125) theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc các thửa đất bị thu hồi, xét thấy: Các thửa đất số 120, thửa đất số 124 và thửa đất số 126, cả 3 thửa đất thuộc tờ Bản đồ số 6 (nay là Tờ Bản đồ số 59-1), xã H, TP B có nguồn gốc là của ông Bùi Văn C sử dụng từ trước năm 1975, đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả 03 thửa đất, cùng ngày 28/11/1995, năm 2007 ông C phân chia tài sản, chỉnh lý biên động đối với cả 03 thửa đất sang cho ông Bùi Quốc C, theo các Giấy chứng nhận các thửa đất có diện tích là 2.830m², diện tích theo đo đạc để thu hồi, bồi thường cổ diện tích là 2.465,5 m², đã thu hồi

diện tích 2.387,7 m² (Theo quyết định thu hồi đất số 7996/QĐ-UBND), diện tích đất còn lại 77,8 m².

- Xem xét cụ thể về diện tích đất bị thu hồi, xét thấy: Thửa đất số 124, có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.080m², trong đó có 400 m² đất ở, 680 m² đất nông nghiệp, tại Hồ sơ kỹ thuật xác định diện tích đo đạc thực tế tại thửa 124 diện tích 931,3 m², giảm 148,7 m²; thửa đất số 126, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 620 m², tại Hồ sơ kỹ thuật xác định diện tích đo đạc thực tế để thu hồi là 590,6 m², giảm 29,4 m²; thửa đất số 120, diện tích được xác định tại Giấy chứng nhận bao gồm 02 thửa nhỏ, có số thửa 125, diện tích 820 m² và số thửa 123 có diện tích 310 m², tổng cộng cả 02 thửa có diện tích 1.130 m², tại Hồ sơ kỹ thuật xác định diện tích đo đạc thực tế để thu hồi (cả 02 thửa 125 và 123) là 943,6m², giảm 186,4m².

[2.2]. Trong quá trình khởi kiện, ông C trình bày có một phần diện tích trong các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng do gia đình tự đào nương tiêu nước, khi thu hồi đất ông C đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được xem xét, còn theo ý kiến của UBND thành phố B và các cơ quan chức năng cho rằng, diện tích chênh lệch do sai số do qua các lần đo đạc.

Trong trường hợp nêu trên, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 88 Luật Tố tụng hành chính để xem xét cụ thể hiện trạng các thửa đất, nguyên nhân tăng, giảm, diện tích các con nương như thế nào, trước khi xét xử sơ thẩm đối với vụ án, thiếu sót trên yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2.3]. Xem xét Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Quốc C, xét thấy:

Về diện tích: Đất của ông C có nguồn gốc của ông Bùi Văn C sử dụng ổn định từ năm 1995 đến nay, không có đo đạc, chỉnh lý hoặc cấp lại Giấy chứng nhận, qua đo đạc của 03 thửa giảm với diện tích 364,5 m², tương ứng tỷ lệ sai số 15% là quá lớn, không có cơ sở, khi đo đạc hiện trạng thực tế để thu hồi đất các cơ quan chức năng đã không xem xét diện tích các nương nước tiếp giáp các thửa đất do gia đình ông C đào nương, là diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C. So sánh, đối chiếu giữa Trích lục bản đồ kèm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các sơ đồ tại Hồ sơ kỹ thuật thì nhận thấy tại các Trích lục bản đồ kèm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có con nương bên cạnh các thửa đất, nhưng tại Hồ sơ kỹ thuật xác định hiện trạng diện tích đất để thu hồi, bồi thường thì có các con nương liền kề, tiếp giáp với các thửa đất bị thu hồi (*Từ Bút lục 30 đến 38*), khi thu hồi đất các cơ quan chức năng của UBND thành phố B đã không lắng nghe ý kiến của ông C, chưa xem xét kỹ nguyên nhân tăng giảm của các thửa đất.

Với phân tích trên cho thấy có căn cứ xác định Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Quốc C để thực hiện dự án đường Đ, xã H, thành phố B (đợt 6) không đúng về diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C, việc xác định diện tích thực tế không đúng quy định tại các Điều 74, Điều 75, Điều 77 Luật đất đai

năm 2013 và các Điều 6, Điều 12, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.4]. Xem xét Quyết định số 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 6), xét thấy:

- Như nhận định tại mục [2.3] nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi chưa đúng diện tích đất nên việc bồi thường cũng cần xem xét giải quyết lại việc bồi thường sau khi làm rõ về diện tích đất của ông C bị thu hồi.

- Xem xét việc xác định lối vào đối với 03 thửa đất đã thu hồi của ông C, nhận thấy, thửa đất số 120 (*gồm thửa 123 + 125*), thửa đất số 124 và thửa đất số 126 có nguồn gốc cùng một chủ sử dụng là hộ ông Bùi Văn C, đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 28/11/1995, trong 03 thửa đất nêu trên có 02 thửa số 124 và thửa số 126 là loại đất ở (*Đất khu dân cư*), thửa số 120 (*tức thửa số 123 và thửa số 125*) là đất màu và đất ao, tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thửa đất số 120 có một lối đi vào, có chiều rộng 2,92 m, tại điểm 7-8, (*Bút lục 30 và 188*), thửa 120 có vị trí tiếp giáp thửa 124 và qua thửa số 126, tại Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định 7998/QĐ-UBND nêu trên đối với hộ ông Bùi Quốc C, ở điểm a, mục 8 (*Bút lục 181-184*) đã xác định thửa đất số 124 không có đường vào, có giá trị đất ở là 1.368.000 đồng/m², giá đất trồng cây hằng năm là 600.000 đồng/m², thửa đất số 126, thửa đất không có đường vào có giá đất ở là 1.365.000 đồng/m², giá trị đất trồng cây hằng năm 600.000 đồng/m², thửa đất số 120 giá đất trồng cây hằng năm 600.000 đồng/m², trong lúc đó, theo quyết định 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì các thửa đất cùng tờ bản đồ số 59-1 có giá đất ở từ 2.100.000 đồng/m² và đất nông nghiệp từ trên 600.000/m² trở lên, về thực tế, quá trình sử dụng đất cả 03 thửa đất đều đang cùng một chủ sử dụng, khi thu hồi Nhà nước đã bồi thường loại đất ở, có nhiều loại tài sản, cây trồng vật kiến trúc trên đất, lối đi của 03 thửa đất đều do ông C sử dụng từ thửa 120, khi thu hồi đất UBND thành phố B chỉ ban hành 01 Quyết định thu hồi đất đối với cả 03 thửa đất, có tổng diện tích 2.387.7 m², không tách ra từng thửa để thu hồi, nhưng đã xác định thửa đất số 124 và thửa số 126 không có lối vào là không đúng. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Quyền về lối đi qua*” thì trường hợp sử dụng đất của hộ ông C bà L được đương nhiên sử dụng lối đi từ thửa 120 để vào thửa 124 và thửa 126 do đều nằm trên đất của mình sử dụng, không phải tranh chấp để xác định lối đi qua các thửa đất khác. Như vậy, từ những phân tích trên cho thấy việc UBND thành phố B xác định các thửa đất số 124 và 126 của ông C không có lối đi vào là không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến bồi thường giá trị không tương xứng so với các trường hợp khác có cùng vị trí, gây thiệt hại cho ông C và không công bằng so với các trường hợp khác trong cùng Dự án.

- Xem xét về chính sách hỗ trợ thấy rằng, tại Bảng tính chi tiết ban hành kèm theo Quyết định 7998/QĐ-UBND nêu trên xác định về chính sách hỗ trợ tại

điểm e, hỗ trợ cho ông Bùi Quốc C 01 nhân khẩu trị giá 5.587.200 đồng. Xét thấy, theo Biên bản xác minh ngày 18/8/2021 của UBND xã H cũng đã xác định rõ (*Bút lục 189-193*), hộ khẩu gia đình ông Bùi Quốc C có 06 nhân khẩu, trong đó 03 nhân khẩu làm nông nghiệp, còn lại 03 học sinh, không có thành viên nào trong hộ gia đình được hưởng lương hoặc các chế độ khác, kết quả xác minh cho thấy có 03 thành viên trực tiếp lao động tại diện tích bị thu hồi, có trách nhiệm phải nuôi dưỡng cả gia đình, Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp. Tuy nhiên, tại phần chính sách hỗ trợ của Bảng tính chi tiết kèm theo Quyết định 7998/QĐ-UBND nêu trên chỉ xem xét hỗ trợ đối với 01 nhân khẩu, UBND thành phố B không có ý kiến gì về việc vì sao chỉ bồi thường hỗ trợ đối với 01 nhân khẩu, tại Bản án sơ thẩm đã nhận định cho rằng các thửa đất do cá nhân ông C đứng tên nên hỗ trợ đời sống cho 01 nhân khẩu là không đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 47 như sau:

“Điều 19. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp sau:

a)..

b) Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại Điểm a Khoản này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó;

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản này nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;...

Ngoài ra, tại Điều 19 nêu trên cũng xác định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ khi thu hồi đất, kể cả đất nhận khoán của người khác, không nhất thiết là chủ sử dụng đất cũng được hưởng chính sách hỗ trợ. Việc hỗ trợ của nhà nước là quy định về việc thực hiện chính sách đối với đối tượng đang trực tiếp sản xuất, trong cùng hộ gia đình, bị ảnh hưởng do thu hồi đất, việc UBND thành phố Buôn Ma Thuột xác định hộ gia đình ông C chỉ được hỗ trợ 01 nhân khẩu là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L là không đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ S D đại diện theo ủy quyền của ông C, bà L, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà L, sửa lại toàn bộ Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm, do chấp nhận kháng cáo nên ông C, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Phần Quyết định đình chỉ do đương sự rút yêu cầu khởi kiện không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ S D người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L. Sửa toàn bộ Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC- ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Căn cứ: Điều 30, Điều 115, Điều 116, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;*

- *Áp dụng: Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69; Điều 74, Điều 75, Điều 77; khoản 1 Điều 79, Điều 83, Điều 100, Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Điều 6, Điều 12, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.*

Xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L, hủy Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Quốc C để thực hiện dự án Đường Đ, xã H, thành phố B (đợt 6); hủy Quyết định số 7998/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 6).*

2/. *Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại các Quyết định hành chính về việc thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, xã H, thành phố B (đợt 6) đối với hộ ông Bùi Quốc C theo đúng các quy định của pháp luật.*

3/. *Đối với phần Quyết định đình chỉ tại Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.*

4/. Về án phí: Áp dụng Điều 32, Điều 34, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm; ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0019003 ngày 04/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk cho ông C, bà L.

Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thị Hồng L không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021943 ngày 07/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk cho ông C, bà L.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi